

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 26/01/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng V

Ông Nguyễn Tấn T

Thư ký phiên tòa: Bà Võ An T – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận NK, thành phố CT: Bà Lê Hoàng D – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 843/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TT (Sacombank).

Trụ sở chính: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đèo Trung H, sinh năm 1963– Chuyên viên quản lý nợ (Giấy ủy quyền số 1276/2020/UQ-TTT ngày 27/7/2020). Có mặt

Địa chỉ: 95, 97, 99 Võ Văn Tần, phường Tân An, quận NK, thành phố CT.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1968. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số 08 Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận NK, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP TT trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 04/9/2009, bà Trần Thị T có ký với Ngân hàng TMCP TT (Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 18.000.000 đồng (mục đích tiêu dùng cá nhân). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.245.367 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, bà T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.040.703 đồng, sau đó không trả nợ cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/3/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng đã yêu cầu bà T trả nợ, nhưng bà T không thực hiện.

Nay yêu cầu bà Trần Thị T trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 10/12/2017, bà T còn nợ tổng cộng là 35.509.283 đồng (nợ gốc: 10.213.523 đồng, lãi: 25.295.760 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 11/12/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng ngày 04/9/2009. Tạm tính đến ngày 26/01/2021, bà T còn nợ số tiền 46.191.689 đồng (Gốc: 10.213.523 đồng, lãi: 35.978.166 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 27/01/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Về quan hệ tranh chấp, Tòa án xác định tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp.

Về nội dung, bà T vay của Ngân hàng nhưng sau đó không trả nợ, nên chuyển qua nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/01/2021, bà T còn nợ Ngân hàng 46.191.689 đồng (Gốc: 10.213.523 đồng, lãi: 35.978.166 đồng).

Bà T vi phạm hợp đồng, nên phía Ngân hàng yêu cầu đòi nợ là có cơ sở.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bị đơn cư trú tại quận NK, thành phố CT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK được quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác định đây là quan hệ tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân với pháp nhân không vì mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. *Về nội dung tranh chấp*:

Ngày 04/9/2009, bà Trần Thị T ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP TT với hạn mức tín dụng 18.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.245.367 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, trả nợ được 21.040.703 đồng thì ngưng không trả nợ tiếp. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, nhưng bà T không có thiện chí trả nợ nên chuyển qua nợ quá hạn vào ngày 16/3/2011.

Tạm tính đến ngày 10/12/2017, bà T còn nợ tổng cộng 35.509.283 đồng (nợ gốc: 10.213.523 đồng, lãi: 25.295.760 đồng) và trả lãi phát sinh tính từ ngày 11/12/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Tạm tính đến ngày 26/01/2021, bà T còn nợ số tiền 46.191.689 đồng (Gốc: 10.213.523 đồng, lãi: 35.978.166 đồng).

Do đó, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 27/01/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4]. *Về án phí DSST*: Bị đơn chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. *Về tạm ứng án phí*: Nguyên đơn đã nộp 888.000 đồng theo Biên lai số 001672 ngày 27/8/2019, sẽ được nhận lại số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP TT tổng số nợ là **46.191.689 đồng** (Gốc: 10.213.523 đồng, lãi: 35.978.166 đồng).

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh cho Ngân hàng trên số nợ gốc tính từ ngày 27/01/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Về án phí DSST: Bị đơn phải nộp 2.309.584 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 888.000 đồng theo Biên lai số 001672 ngày 27/8/2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP CT
- VKSND quận N
- THADS quận N
- Đường sự
- Lưu hồ sơ Tòa án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Q